

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;
- Tiến độ thi công;
- Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường; các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;
- Các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) gồm việc sử dụng các vật tư, vật liệu, biện pháp tổ chức thi công, dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);
- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;
- Các yếu tố cần thiết khác;

Chủ đầu tư được yêu cầu về nhãn hiệu theo nhóm nhãn hiệu cho nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác (đầu vào cho việc thi công theo quy định của pháp luật xây dựng các hạng mục công việc quy định trong hồ sơ mời thầu mà không phải là một hạng mục công việc của gói thầu). Nhà thầu được chào theo nhãn hiệu các nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác theo quy định trong hồ sơ mời thầu hoặc nhãn hiệu khác có chất lượng tương đương hoặc tốt hơn.

Ví dụ: nhóm nhãn hiệu đối với xi măng: xi măng Nghi Sơn, Bỉm Sơn, Bút Sơn, Hà Tiên, Vicem Hoàng Mai. Nhà thầu được chào theo 1 hoặc một số nhãn hiệu trong các nhãn hiệu này hoặc được chào nhãn hiệu khác có chất lượng xi măng tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp do tính chất của gói thầu mà E-HSMT yêu cầu nhà thầu phải thực hiện theo đúng biện pháp thi công nêu trong E-HSMT, E-HSMT cần quy định nhà thầu được đề xuất biện pháp thi công khác với biện pháp thi công nêu trong E-HSMT. Chủ đầu tư không được đưa yêu cầu về khả năng huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu trong yêu cầu về kỹ thuật nhằm loại bỏ nhà thầu.

3.1. Đánh giá theo phương pháp chấm điểm¹:

Trường hợp sử dụng phương pháp chấm điểm thì phải quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với từng tiêu chí tổng quát. Có thể quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát; không được quy định mức điểm tối thiểu đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản.

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu để quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với từng tiêu chí tổng quát. Mức điểm yêu cầu tối thiểu quy định không thấp hơn 70% tổng số điểm về kỹ thuật. Đối với gói thầu cần xem xét trên cơ sở chú trọng tới các yếu tố kỹ thuật, chủ đầu tư có thể quy định mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không thấp hơn 80% tổng số điểm tối đa về kỹ thuật. E-HSDT có tổng số điểm (cũng như số điểm của một số tiêu chuẩn tổng quát) đạt bằng hoặc vượt mức điểm yêu cầu tối thiểu sẽ được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật và được tiếp tục xem xét về tài chính.

Điểm kỹ thuật của từng tiêu chuẩn tổng quát được tính theo điểm kỹ thuật của các tiêu chuẩn chi tiết theo công thức sau:

$$S_j \equiv \sum_{i=1}^k t_{ji} * w_{ji}$$

Trong đó:

t_{ji} = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn chi tiết “i” trong tiêu chuẩn tổng quát “j”,

w_{ji} = tỷ trọng của tiêu chuẩn chi tiết “i” trong tiêu chuẩn tổng quát “j”,

k = số lượng tiêu chuẩn chi tiết trong tiêu chuẩn tổng quát “j”, và

$$\sum_{i=1}^k w_{ji} = 1$$

Tổng điểm kỹ thuật được tính theo công thức sau:

$$T \equiv \sum_{j=1}^n S_j * W_j$$

Trong đó:

S_j = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn tổng quát “j”,

W_j = tỷ trọng của tiêu chuẩn tổng quát “j”,

n = số lượng tiêu chuẩn tổng quát, và

$$\sum_{j=1}^n W_j = 1$$

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 3.2 Mục 3 Chương này.

TT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm chi tiết	Mức điểm YC tối thiểu
1	Giải pháp kỹ thuật	40		28
1.1	Mức độ đáp ứng yêu cầu về vật tư, vật liệu, thiết bị	10		07
a)	Cam kết của đơn vị cung cấp hoặc hợp đồng nguyên tắc với các đơn vị cung cấp, cung cấp đầy đủ các loại vật tư, vật liệu, thiết bị cho gói thầu này được quy định tại điểm Mục III, Chương V của E-HSMT (kèm theo đăng ký doanh nghiệp của đơn vị cung cấp)	06		
	Đầy đủ và phù hợp		06	
	Thiếu hoặc không phù hợp 01 nội dung		04	
	Thiếu hoặc không phù hợp 02 nội dung		02	
	Thiếu hoặc không phù hợp 03 nội dung		0	
b)	Đặc tính, thông số kỹ thuật của vật tư, vật liệu, thiết bị, hoàn toàn phù hợp yêu cầu của Mục III, Chương V của E-HSMT. (Thiết bị có thông số kỹ thuật tại Mục III, Chương V của E-HSMT phải có catalogue hoặc các tài liệu tương đương kèm theo chứng minh thông số kỹ thuật)	04		
	Đầy đủ và phù hợp		04	
	Thiếu hoặc không phù hợp 01 nội dung vật tư, vật liệu		02	
	Thiếu hoặc không phù hợp 02 nội dung vật tư, vật liệu hoặc 01 nội dung thiết bị		0	
1.2	Giải pháp kỹ thuật, biện pháp thi công chủ yếu cho các công tác chính:	15		10,5
a)	Liệt kê đầy đủ danh mục hồ sơ cần thiết (hồ sơ thuộc trách nhiệm của nhà thầu phải trình chủ đầu tư phê duyệt) để khởi công công trình theo quy định pháp luật về xây dựng, bảo vệ môi trường và an toàn, vệ sinh lao động hiện hành.	02		
	Đầy đủ và phù hợp		02	
	Thiếu hoặc không phù hợp 01 nội dung		01	
	Thiếu hoặc không phù hợp 02 nội dung		0	
b)	<ul style="list-style-type: none"> - Biện pháp phá dỡ; - Biện pháp thi công cọc BTCT, móng. - Biện pháp thi công phần thân. - Biện pháp thi công phần mái. - Biện pháp thi công phần hoàn thiện. - Biện pháp thi công Phòng cháy chữa cháy. - Biện pháp thi công hạ tầng, sân vườn, cổng tường rào, khu để xe, 	10		
	Thuyết minh và bản vẽ biện pháp thi công các công việc phù hợp với tiêu chuẩn thi công hiện hành, tiến độ thi			

	công, hiện trạng các công trình và hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt			
	Đầy đủ và phù hợp		10	
	Thiếu hoặc không phù hợp 01 nội dung		08	
	Thiếu hoặc không phù hợp 02 nội dung		06	
	Thiếu hoặc không phù hợp 03 nội dung		04	
	Thiếu hoặc không phù hợp 04 nội dung		02	
	Thiếu hoặc không phù hợp 05 nội dung		0	
c)	Biện pháp lắp đặt thiết bị	03		
	Thuyết minh và bản vẽ biện pháp thi công phù hợp với tiêu chuẩn thi công hiện hành, tiến độ thi công, hiện trạng công trình và hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt			
	Đầy đủ và phù hợp		03	
	Thiếu hoặc không phù hợp 01 nội dung		02	
	Thiếu hoặc không phù hợp 02 nội dung		01	
	Thiếu hoặc không phù hợp 03 nội dung		0	
1.3	Tổ chức mặt bằng công trường:	05		3,5
a)	Mặt bằng bố trí công trường, thiết bị thi công, kho bãi tập kết vật liệu, đường tạm thi công, nhà tạm thi công, vị trí gia công vật liệu	03		
	Thuyết minh và bản vẽ giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với tiêu chuẩn thi công hiện hành, tiến độ thi công, hiện trạng công trình và hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt			
	Đầy đủ và phù hợp		03	
	Thiếu hoặc không phù hợp 01 nội dung		02	
	Thiếu hoặc không phù hợp 02 nội dung		01	
	Thiếu hoặc không phù hợp 03 nội dung		0	
b)	Bố trí rào chắn, biển báo	01		
	Có thuyết minh và bản vẽ giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với tiêu chuẩn thi công hiện hành, tiến độ thi công, hiện trạng công trình và hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt			
	Đầy đủ và phù hợp		01	
	Thiếu hoặc không phù hợp 01 nội dung		0,5	
	Thiếu hoặc không phù hợp 02 nội dung		0	
c)	Giải pháp cấp điện, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công	01		
	Thuyết minh và bản vẽ giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với tiêu chuẩn thi công hiện hành, tiến độ thi công, hiện trạng công trình và hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt			
	Đầy đủ và phù hợp		01	
	Thiếu hoặc không phù hợp 01 nội dung		0,5	
	Thiếu hoặc không phù hợp 02 nội dung		0	
1.4	Sơ đồ hệ thống tổ chức của Nhà thầu tại công trường: Các	10		07

	bộ phận quản lý tiến độ, kỹ thuật, hành chính kế toán, chất lượng, vật tư, thiết bị, an toàn...các tổ đội thi công.			
a	Sơ đồ tổ chức hợp lý, phù hợp biện pháp thi công, phù hợp tiến độ thi công, phù hợp nhân sự theo yêu cầu tại Bảng số 02- Yêu cầu về nhân sự chủ chốt (Webform trên Hệ thống)	02		
	Đầy đủ và phù hợp		02	
	Thiếu hoặc không phù hợp 01 nội dung		01	
	Thiếu hoặc không phù hợp 02 nội dung		0,5	
	Thiếu hoặc không phù hợp 03 nội dung		0	
b	Tổ đội thi công			
	Có cam kết cung cấp cho Chủ đầu tư thông tin nhân sự của tổ đội thi công (tên tuổi, nghề nghiệp, bản sao căn cước công dân) theo số lượng công nhân do Nhà thầu đề xuất tại điểm a mục 3.2 trước khi khởi công công trình (nếu Nhà thầu trúng thầu).	05		
	Có cam kết		05	
	Không có cam kết		0	
c	Nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công			
	Có cam kết sử dụng đúng nhân sự đã kê khai tại Bảng số 02- Yêu cầu về nhân sự chủ chốt (Webform trên Hệ thống), thiết bị thi công tại Bảng số 03- Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu (Webform trên Hệ thống) để thực hiện gói thầu nếu Nhà thầu trúng thầu (trừ trường hợp bất khả kháng được Chủ đầu tư chấp thuận). <i>Ghi chú: Quy định xử phạt được cụ thể tại Chương VII Điều kiện cụ thể của hợp đồng</i>	03		
	Có cam kết		03	
	Không có cam kết		0	
2	Biện pháp tổ chức thi công	05		3,5
	Thuyết minh đầy đủ tổ chức triển khai thi công các hạng mục công trình tại điểm b, c khoản 1.2 theo trình tự phù hợp mặt bằng công trường, tiến độ thi công, tiêu chuẩn thi công hiện hành và hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt			
	Đầy đủ và phù hợp		05	
	Thiếu hoặc không phù hợp 01 nội dung		4,5	
	Thiếu hoặc không phù hợp 02 nội dung		04	
	Thiếu hoặc không phù hợp 03 nội dung		3,5	
	Thiếu hoặc không phù hợp 04 nội dung		03	
3	Thời gian thực hiện gói thầu	15		10,5
3.1	Tổng thời gian thực hiện gói thầu	05		
a)	Thời gian hoàn thành gói thầu	01		01
	> 200 ngày		0	
	≤ 200 ngày		01	
b)	Biểu đồ tiến độ thi công	04		

	Thể hiện đầy đủ các công việc, công tác thi công chính tại các điểm b, c khoản 1.2 trong đó thể hiện thời gian hoàn thành và nghiệm thu cụ thể phù hợp với đề xuất kỹ thuật và quy định hiện hành.			
	Đầy đủ và phù hợp		04	
	Thiếu hoặc không phù hợp 01 nội dung		02	
	Thiếu hoặc không phù hợp 02 nội dung		01	
	Thiếu hoặc không phù hợp 03 nội dung		0	
3.2	Biểu đồ huy động	08		
a)	Nhân sự (bao gồm nhân sự chủ chốt tại Bảng số 02- Yêu cầu về nhân sự chủ chốt (Webform trên Hệ thống) và số lượng, ngành nghề công nhân kỹ thuật do Nhà thầu xác định phù hợp với định mức xây dựng hiện hành)	04		
	Phù hợp định mức xây dựng hiện hành, phù hợp tổng tiến độ thi công công trình và phù hợp với các công tác thi công chính tại điểm b, c khoản 1.2			
	Đầy đủ và phù hợp		04	
	Thiếu hoặc không phù hợp 01 nội dung		02	
	Thiếu hoặc không phù hợp 02 nội dung		0	
b)	Vật liệu	02		
	Phù hợp tổng tiến độ thi công công trình và phù hợp với công tác thi công chính tại điểm b, c khoản 1.2			
	Đầy đủ và phù hợp		02	
	Thiếu hoặc không phù hợp 01 nội dung		01	
	Thiếu hoặc không phù hợp 02 nội dung		0	
c)	Thiết bị (bao gồm các thiết bị tại Bảng số 03- Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu (Webform trên Hệ thống))	02		
	Phù hợp tổng tiến độ thi công công trình và phù hợp với công tác thi công chính tại điểm b, c khoản 1.2			
	Đầy đủ và phù hợp		02	
	Thiếu hoặc không phù hợp 01 nội dung		01	
	Thiếu hoặc không phù hợp 02 nội dung		0	
3.3	Biện pháp bảo đảm tiến độ thi công, duy trì thi công khi mất điện	02		
	Đầy đủ và phù hợp		02	
	Thiếu hoặc không phù hợp 01 nội dung		01	
	Thiếu hoặc không phù hợp 02 nội dung		0	
4	Biện pháp bảo đảm chất lượng	15		10,5
4.1	Sơ đồ quản lý chất lượng	02		
	Thuyết minh biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công trong đó nêu rõ sơ đồ tổ chức nhân sự và trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân đối với công tác quản lý chất lượng công trình của nhà thầu.			
	Đầy đủ và phù hợp		02	
	Thiếu hoặc không phù hợp 01 nội dung		01	
	Thiếu hoặc không phù hợp 02 nội dung		0,5	

	Thiếu hoặc không phù hợp 03 nội dung		0	
4.2	Quản lý chất lượng vật tư, thiết bị	07		
	- Bảng kê danh mục vật tư, vật liệu, thiết bị cho công trình (được quy định tại Mục III, Chương V của E-HSMT): + Có xuất xứ, mã hiệu, nhãn hiệu, năm sản xuất, hãng sản xuất rõ ràng đối với thiết bị. + Có nguồn gốc xuất xứ, hãng sản xuất rõ ràng đối với vật tư, vật liệu. + Đầy đủ theo danh mục hoặc nhóm vật tư, vật liệu	05		
a)	- Cam kết thiết bị mới 100% và sản xuất từ năm 2024 trở đi - Cam kết thiết bị sản xuất trong nước có giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ, có giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn của nhà sản xuất (C/Q); Hàng hóa nhập khẩu có giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (C/O) do nước sản xuất cấp, giấy tờ thông quan của cục hải quan, giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa phù hợp với tiêu chuẩn của nhà sản xuất (CQ). - Cam kết hướng dẫn vận hành công trình theo yêu cầu của Chủ đầu tư trong 12 tháng bảo hành công trình.			
	Đầy đủ và phù hợp		05	
	Thiếu hoặc không phù hợp 01 nội dung		03	
	Thiếu hoặc không phù hợp 02 nội dung		01	
	Thiếu hoặc không phù hợp 03 nội dung		0	
b)	Quy trình và các biện pháp quản lý chất lượng vật tư, vật liệu và thiết bị	01		
	Thuyết minh đầy đủ quy trình và các biện pháp quản lý chất lượng vật tư, vật liệu và thiết bị (được quy định tại Mục III, Chương V E-HSMT)			
	Đầy đủ và phù hợp		01	
	Thiếu hoặc không phù hợp 01 nội dung		0,5	
	Thiếu hoặc không phù hợp 02 nội dung		0,25	
	Thiếu hoặc không phù hợp 03 nội dung		0	
c)	Giải pháp xử lý vật tư, vật liệu và thiết bị phát hiện không phù hợp với yêu cầu của gói thầu	01		
	Đầy đủ và phù hợp		01	
	Thiếu hoặc không phù hợp 01 nội dung		0,5	
	Thiếu hoặc không phù hợp 02 nội dung		0,25	
	Thiếu hoặc không phù hợp 03 nội dung		0	
4.3	Quản lý chất lượng cho từng công tác thi công	04		
	Cung cấp đầy đủ danh mục biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc, hạng mục, công trình tại các điểm b), c) khoản 1.2 trong đó phải đề xuất: đối tượng nghiệm thu; nhân sự của nhà thầu tại Bảng số 02- Yêu cầu về nhân sự chủ chốt (Webform trên Hệ thống) tham gia thi công, nghiệm thu.			

	Đầy đủ và phù hợp		04	
	Thiếu hoặc không phù hợp 01 nội dung		02	
	Thiếu hoặc không phù hợp 02 nội dung		01	
	Thiếu hoặc không phù hợp 03 nội dung		0	
4.4	Biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão	01		
	Đầy đủ và phù hợp		01	
	Thiếu hoặc không phù hợp 01 nội dung		0,5	
	Thiếu hoặc không phù hợp 02 nội dung		0,25	
	Thiếu hoặc không phù hợp 03 nội dung		0	
4.5	Sửa chữa hư hỏng	01		
	Đầy đủ và phù hợp		01	
	Thiếu hoặc không phù hợp 01 nội dung		0,5	
	Thiếu hoặc không phù hợp 02 nội dung		0,25	
	Thiếu hoặc không phù hợp 03 nội dung		0	
5	Vệ sinh môi trường, phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động	10		07
5.1	Các biện pháp giảm thiểu, bảo vệ môi trường	06		
a)	Tiếng ồn	0,5		
	Đầy đủ và phù hợp		0,5	
	Thiếu hoặc không phù hợp 01 nội dung		0,25	
	Thiếu hoặc không phù hợp 02 nội dung		0	
b)	Bụi và khói	0,5		
	Đầy đủ và phù hợp		0,5	
	Thiếu hoặc không phù hợp 01 nội dung		0,25	
	Thiếu hoặc không phù hợp 02 nội dung		0	
c)	Rung	0,5		
	Đầy đủ và phù hợp		0,5	
	Thiếu hoặc không phù hợp 01 nội dung		0,25	
	Thiếu hoặc không phù hợp 02 nội dung		0	
d)	Kiểm soát nước thải	0,5		
	Đầy đủ và phù hợp		0,5	
	Thiếu hoặc không phù hợp 01 nội dung		0,25	
	Thiếu hoặc không phù hợp 02 nội dung		0	
e)	Kiểm soát rác thải, vệ sinh	04		
	- Thuyết minh biện pháp kiểm soát phế thải, bảo đảm vệ sinh môi trường đầy đủ. - Có cam kết tổ chức cho Chủ đầu tư đi kiểm tra hiện trường bãi đổ phế thải đáp ứng quy định pháp luật (phế thải trong quá trình thi công phá dỡ) do nhà thầu đề xuất nếu Nhà thầu được mời thương thảo hợp đồng.		04	
	Thiếu hoặc không phù hợp 01 nội dung		02	
	Thiếu hoặc không phù hợp 02 nội dung		01	
	Thiếu hoặc không phù hợp 03 nội dung thuyết minh hoặc không có cam kết tổ chức cho Bên mời thầu đi kiểm tra		0	

	hiện trường bãi đổ phế thải do nhà thầu đề xuất nếu nhà thầu được mời thương thảo hợp đồng.			
5.2	Phòng cháy, chữa cháy	1,5		
a)	Quy định, quy phạm tiêu chuẩn	0,5		
	Đầy đủ và phù hợp		0,5	
	Thiếu hoặc không phù hợp 01 nội dung		0,25	
	Thiếu hoặc không phù hợp 02 nội dung		0	
b)	Các giải pháp, biện pháp, trang bị phương tiện phòng chống cháy, nổ	0,5		
	Đầy đủ và phù hợp		0,5	
	Thiếu hoặc không phù hợp 01 nội dung		0,25	
	Thiếu hoặc không phù hợp 02 nội dung		0	
c)	Tổ chức bộ máy quản lý hệ thống phòng chống cháy nổ	0,5		
	Đầy đủ và phù hợp		0,5	
	Thiếu hoặc không phù hợp 01 nội dung		0,25	
	Thiếu hoặc không phù hợp 02 nội dung		0	
5.3	An toàn lao động	2,5		
a)	Tổ chức đào tạo, thực hiện và kiểm tra an toàn lao động	0,5		
	Đầy đủ và phù hợp		0,5	
	Thiếu hoặc không phù hợp 01 nội dung		0,25	
	Thiếu hoặc không phù hợp 02 nội dung		0	
b)	Biện pháp bảo đảm an toàn lao động cho từng công đoạn thi công	0,5		
	Đầy đủ và phù hợp		0,5	
	Thiếu hoặc không phù hợp 01 nội dung		0,25	
	Thiếu hoặc không phù hợp 02 nội dung		0	
c)	An toàn giao thông ra vào công trường	0,5		
	Đầy đủ và phù hợp		0,5	
	Thiếu hoặc không phù hợp 01 nội dung		0,25	
	Thiếu hoặc không phù hợp 02 nội dung		0	
d)	Bảo đảm an ninh công trường, quản lý nhân sự, thiết bị	0,5		
	Đầy đủ và phù hợp		0,5	
	Thiếu hoặc không phù hợp 01 nội dung		0,25	
	Thiếu hoặc không phù hợp 02 nội dung		0	
e)	Quản lý an toàn cho công trình và cư dân xung quanh công trường	0,5		
	Đầy đủ và phù hợp		0,5	
	Thiếu hoặc không phù hợp 01 nội dung		0,25	
	Thiếu hoặc không phù hợp 02 nội dung		0	
6	Bảo hành, bảo trì	05		3,5
6.1	Có đề xuất thời gian bảo hành tính từ ngày bàn giao đưa vào sử dụng	02		
	<12 tháng		0	
	=12 tháng		01	
	>12 tháng		02	
6.2	Có đề xuất lần bảo trì trong thời gian bảo hành	03		

	03 lần		03	
	02 lần		02	
	01 lần		1,5	
	0 lần		0	
7	Kết quả thực hiện hợp đồng quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP	05		3,5
7.1	Hợp đồng thi công công trình dân dụng đã nghiệm thu đưa vào sử dụng hoặc đã được khen thưởng hoàn thành từ năm 2022 trở lại.	03		
	Có 03 Hợp đồng thi công công trình dân dụng đã được: bằng khen, giấy khen hoặc Quyết định khen thưởng hoặc hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng		03	
	Có 02 Hợp đồng thi công công trình dân dụng đã được: bằng khen, giấy khen hoặc Quyết định khen thưởng hoặc hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng		2,5	
	Có 01 Hợp đồng thi công công trình dân dụng đã được: bằng khen, giấy khen hoặc Quyết định khen thưởng hoặc hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng.		1,5	
	Không có hợp đồng thi công công trình dân dụng đã được: bằng khen, giấy khen hoặc Quyết định khen thưởng hoặc hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng.		0	
7.2	Tiến độ thực hiện hợp đồng và chất lượng công trình dân dụng đã thi công từ năm 2022 trở lại.	02		
	Không có hợp đồng thi công công trình bị chậm thời gian hoàn thành (do lỗi của Nhà thầu) so với thời gian trong hợp đồng hoặc bị đánh giá chất lượng công trình không đảm bảo.		02	
	Có 01 hợp đồng thi công công trình bị chậm thời gian hoàn thành (do lỗi của Nhà thầu) so với thời gian trong hợp đồng hoặc bị đánh giá chất lượng công trình không đảm bảo.		01	
	Có 02 hợp đồng thi công công trình bị chậm thời gian hoàn thành (do lỗi của Nhà thầu) so với thời gian trong hợp đồng hoặc bị đánh giá chất lượng công trình không đảm bảo.		0	
8	Cách thức trình bày E-HSDT	05		
8.1	Chuẩn bị nội dung E-HSDT theo đúng quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 của chương II E-CDNT 10.8	02		
	Đầy đủ và phù hợp		02	
	Thiếu 01 nội dung		01	
	Thiếu 02 nội dung		0	
8.2	Đề xuất kỹ thuật của Nhà thầu được trình bày thứ tự theo đúng thứ tự danh mục từ phần 1 đến phần 7 Bảng này	03		
	Đầy đủ và phù hợp		03	
	Không phù hợp 01 nội dung		1,5	
	Không phù hợp 02 nội dung		0	
Tổng cộng		100		70

